

Số: 4104/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-SKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 129/TTr-SKHĐT ngày 05/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc tỉnh Bình Định theo các Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017; Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017; Quyết định số 1397/QĐ-SKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có Phụ lục 1 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, đồng nghĩa bãi bỏ 282 TTHC đã công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND nêu trên (có Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *sd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- TT Công báo; TT Tin học;
- Lưu: VT, P.KSTTHC. *ph*



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng



Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ/
HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI THUỘC NHAM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Ban hành theo Quyết định số 22/AA/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
TTHC công bố theo Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
I	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU				
1	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với Dự án quan trọng quốc gia: Trong 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Trong 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Trong 30 ngày.	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP.
II	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA				
Mục 1	Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo				
1	Thông báo thành lập Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Thông báo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của Quỹ đầu tư khởi nghiệp	Trong 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Chau
3

	sáng tạo	báo	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn		- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Thông báo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Thông báo	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Chưa quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Chưa quy định	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
Mục 2 Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn					
1	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định	Tùy thuộc vào từng nội dung, lĩnh vực đề nghị hỗ trợ tư vấn, cơ quan, tổ chức hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

10/11/2018 4

			Thuế tỉnh, Tỉnh đoàn, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp, ngành nghề trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ tư vấn nội dung theo lĩnh vực được phân công tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định		
2	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP				
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp					
TTHC công bố theo Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân	- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhon	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP

5 *khia*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngành mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của Doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	ngày 23/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
2	Đăng ký thành lập Công ty TNHH một thành viên	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
3	Đăng ký thành lập Công ty TNHH hai	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	-Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Chau 6

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thành viên trở lên	hợp lệ.	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
4	Đăng ký thành lập Công ty cổ phần	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
5	Đăng ký thành lập Công ty hợp danh	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

7 *Khai*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Doanh nghiệp (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	hợp lệ.	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, do thay đổi địa giới hành chính	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
7	Đăng ký đổi tên Doanh nghiệp (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
8	Đăng ký thay đổi Thành viên hợp danh	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Chai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	vốn góp (đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	hợp lệ.	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
11	Đăng ký thay đổi Thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu Công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới Doanh nghiệp nhà nước	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

9/Chia

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, Công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP;

Chau 10

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhường, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc Công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác			- Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
18	Đăng ký thay đổi chủ Doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho Doanh nghiệp, chủ Doanh nghiệp chết, mất tích	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
19	Đăng ký Doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí: 100.000đồng/lần. Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
21	Thông báo thay đổi vốn	Trong 03 ngày làm việc,	Sở Kế hoạch và	- Lệ phí: 100.000	- Luật Doanh nghiệp số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đầu tư của chủ Doanh nghiệp tư nhân	kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập Công ty cổ phần.	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết	- Trường hợp hồ sơ thông báo thay đổi không hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho Doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong 03 ngày làm việc. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;

Chau 12

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý Doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
26	Công bố nội dung đăng ký Doanh nghiệp (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Sau khi nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của Doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Phí: 300.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thời điểm đề nghị công bố - Miễn thu phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Doanh nghiệp - Miễn thu phí công bố lần đầu trong trường hợp Doanh nghiệp chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí khi công bố mẫu con dấu	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của Doanh nghiệp/Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp.			- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
28	Đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
29	Thông báo lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
30	Đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện (đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;

Chau 14

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)			với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	lý tương đương)				
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện (đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

Chau 16

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với Công ty cổ phần)	- Doanh nghiệp gửi Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi Doanh nghiệp đặt trụ sở trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày có thông tin hoặc có thay đổi. - Khi nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện bổ sung, thay đổi thông tin của Doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
38	Thông báo cho thuê Doanh nghiệp tư nhân	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
39	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
40	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
41	Đăng ký thành lập Công ty cổ phần từ việc chia Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
42	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
43	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

Chau 18

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
44	Đăng ký thành lập Công ty cổ phần từ việc tách Doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
45	Hợp nhất Doanh nghiệp (đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
46	Sáp nhập Doanh nghiệp (đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần và Công ty hợp danh)	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
47	Chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
48	Chuyển đổi Công ty cổ phần thành Công ty	- Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trách nhiệm hữu hạn một thành viên	sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của Công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
49	Chuyển đổi Công ty cổ phần thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

Khu 20

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của Công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
50	Chuyển đổi Doanh nghiệp tư nhân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn	- Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp. - Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 199, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp	- Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi Thông báo yêu cầu Doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 03 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

Chau 22

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Doanh nghiệp. - Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu Doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Doanh nghiệp.			
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn thu lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế				.
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Miễn thu lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.

TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần đại	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ khi gửi Thông báo mà không	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- 200.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;
---	---	---	---	---	--

Khaut 24

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chúng	nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh.		doanh. - Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử	
2	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	- Doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi Doanh nghiệp đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
3	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	- Doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi Doanh nghiệp đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ,	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc Doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn/Giấy xác nhận về việc Chi nhánh/Văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn.			
4	Giải thể Doanh nghiệp	- Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, Quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Doanh nghiệp, đăng Quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp - Người đại diện theo pháp luật của Doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

1 Chau 26

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ng nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ khi thanh toán hết các khoản nợ của Doanh nghiệp - Sau thời hạn 180 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định giải thể theo khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ Doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
5	Giải thể Doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo Quyết định	- Trong 10 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	của Tòa án	của Tòa án có hiệu lực, Doanh nghiệp phải triệu tập họp để Quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và Chi nhánh của Doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì Quyết định giải thể Doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp. - Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05			

Khau 28

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc, kể từ khi thanh toán hết các khoản nợ của Doanh nghiệp. - Sau thời hạn 180 ngày, kể từ khi Thông báo tình trạng giải thể Doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
6	Châm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
7	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu					
TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Tạm ngừng kinh doanh Công ty TNHH một thành viên	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn phí	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC.
Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội					
TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Đối với trường hợp thành lập mới: + Lệ phí: 100.000 đồng/lần. (Lệ phí cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ + Miễn thu phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo

Khaw 30

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Đối với các Doanh nghiệp đang hoạt động: + Miễn thu phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn thu phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Miễn thu phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	- Luật Doanh nghiệp số - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
4	Chuyển cơ sở Bảo trợ xã hội, Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí: 100.000 đồng/lần Nộp tại thời điểm nộp hồ sơ. - Miễn thu phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.
II LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
TTHC công bố theo Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Hợp tác xã				định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định (bổ sung)
TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
2	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Liên hiệp Hợp	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

 32

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tác xã			điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh)	
3	Đăng ký khi Liên hiệp Hợp tác xã chia	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
4	Đăng ký khi Liên hiệp Hợp tác xã tách	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
5	Đăng ký khi Liên hiệp Hợp tác xã hợp nhất	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
6	Đăng ký khi Liên hiệp Hợp tác xã sáp nhập	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	Lệ phí đăng ký kinh doanh:	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	100.000đồng/lần cấp	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (khi bị mất)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện Liên hiệp Hợp tác xã (khi bị mất)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện Liên hiệp Hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
11	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (đối với trường hợp Liên hiệp Hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hộ kinh doanh, Hợp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Chau 34

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	
13	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
14	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập Doanh nghiệp của Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
15	Tạm ngừng hoạt động của Liên hiệp Hợp tác	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	xã, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã	hợp lệ	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn		- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
16	Châm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã)	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
18	Thay đổi cơ quan đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
III LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM					
TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Trong 50 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ Dự án đầu tư. - Trong 48 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - UBND tỉnh Bình Định quyết định chủ trương đầu tư.	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt

Chau
36

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư, phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.			động đầu tư tại Việt Nam.
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Trong 65 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với Dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư.	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
4	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với Dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Đối với Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Trong 33 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Đối với Dự án đầu tư	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong 55 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.		
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với Dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Trong 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Đối với Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Trong 55 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ Dự án đầu tư. - Trong 53 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2, Điều 31 Luật Đầu tư, phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong 70 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ Dự án đầu tư. - Đối với Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội. Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.			
7	Điều chỉnh tên Dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
8	Điều chỉnh nội dung Dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư)	Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với Dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	Trong 26 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			trương đầu tư		
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với Dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Trong 60 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định tiếp nhận hồ sơ; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn; - Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
11	Chuyển nhượng Dự án đầu tư	* Đối với Dự án thuộc một trong các trường hợp: Dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư; Dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành: Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Đối với Dự án đầu tư thuộc diện quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

Chau

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Trong 60 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Đối với Dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: + Đối với Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong 38 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Đối với Dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong 41 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
12	Điều chỉnh Dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Trong 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
13	Điều chỉnh Dự án đầu tư theo Bản án, Quyết định của Tòa án, Trọng tài	Trong 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong 05 ngày kể từ khi nhận được đề nghị của nhà đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong 03 ngày kể từ khi nhận được đề nghị của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
17	Giãn tiến độ đầu tư	Trong 15 ngày kể từ khi nhận được đề xuất của nhà đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
18	Tạm ngừng hoạt động của Dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận Thông báo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
19	Chấm dứt hoạt động của Dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
20	Thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
21	Chấm dứt hoạt động Văn phòng điều hành	Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định;	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;

Chau 42

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	hợp lệ.	địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn		- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
23	Cung cấp thông tin về Dự án đầu tư	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Theo từng nội dung thông tin được cung cấp.	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Trong 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Trong 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
26	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương				
27	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
28	Thành lập Tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với từng loại thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Thời hạn thành lập Doanh nghiệp là 03 ngày làm việc, thời hạn thành lập Tổ chức kinh tế khác theo quy định tương ứng.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

IV LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

TTHC công bố theo Quyết định 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với Dự án nhóm A: Trong 60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với Dự án nhóm B: Trong 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018.
---	---	--	---------------------	-------	--

Khaw

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		lệ.			
2	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với Dự án quan trọng quốc gia: Trong 90 ngày; - Đối với Dự án nhóm A: Trong 40 ngày; - Đối với Dự án nhóm B, nhóm C: Trong 30 ngày.	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018.
V	VÒNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA), VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI				
Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)					
TTHC công bố theo Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Tiếp nhận Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Trong 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.
2	Tiếp nhận Dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Trong 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.
3	Tiếp nhận Chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Trong 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài dưới hình thức phi dự án	Trong 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định; địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn	Không	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

TTHC công bố theo Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1	Đề xuất và lựa chọn đề xuất Chương trình, Dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Trong 05 ngày làm việc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến lựa chọn đề xuất Chương trình, Dự án phù hợp.	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.
2	Quyết định chủ trương đầu tư Chương trình, Dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Không quy định	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
3	Quyết định chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi Dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người	Không quy định	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

Khu 46

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đứng đầu cơ quan chủ quản				
4	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư Chương trình, Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	- Thời gian thẩm định văn kiện Chương trình, Dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia, Dự án quan trọng quốc gia, Chương trình mục tiêu: Trong 90 ngày; b) Đối với Dự án đầu tư nhóm A: Trong 40 ngày; c) Đối với Dự án đầu tư nhóm B: Trong 30 ngày; d) Đối với Dự án đầu tư nhóm C, Dự án hỗ trợ kỹ thuật và Chương trình, Dự án khác: Trong 20 ngày. - Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện Chương trình, Dự án và Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án. - Trong 5 ngày làm việc kể từ khi cấp có thẩm	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyền ban hành Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ Dự án về Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện Chương trình, Dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			
5	Lập, thẩm định, Quyết định đầu tư Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Thời gian thẩm định văn kiện Chương trình, Dự án tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia, Dự án quan trọng quốc gia, Chương trình mục tiêu: Trong 90 ngày; b) Đối với Dự án đầu tư	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhóm A: Trong 40 ngày; c) Đối với Dự án đầu tư nhóm B: Trong 30 ngày; d) Đối với Dự án đầu tư nhóm C, Dự án hỗ trợ kỹ thuật và Chương trình, Dự án khác: Trong 20 ngày. - Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện Chương trình, Dự án và Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án. - Trong 5 ngày làm việc kể từ khi cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ Dự án về Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện Chương trình, Dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			
6	Lập, thẩm định, Quyết định đầu tư phi Dự án	- Thời gian thẩm định văn kiện Chương trình, Dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia, Dự án quan trọng quốc gia, Chương trình mục tiêu: Trong 90 ngày; b) Đối với Dự án đầu tư nhóm A: Trong 40 ngày; c) Đối với Dự án đầu tư nhóm B: Trong 30 ngày; d) Đối với Dự án đầu tư nhóm C, Dự án hỗ trợ kỹ thuật và Chương trình, Dự án khác: Trong 20 ngày. - Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Báo cáo thẩm định	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

Chau
50

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện Chương trình, Dự án và Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án. - Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ Dự án về Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư Chương trình, Dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện Chương trình, Dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Lập, phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình, Dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong 30 ngày kể từ khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
8	Lập, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình, Dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Không quy định	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
9	Xác nhận Chuyên gia	Trong 15 làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND tỉnh Bình Định	Không	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của TTCP về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA; - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của TTCP.
VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					
TTHC công bố theo Quyết định 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông	- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: Trong 15 ngày	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, xử lý hồ sơ; địa chỉ:	Không	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích

Châu 52

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	làm việc kể từ khi Doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.	35 Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn. - UBND tỉnh Bình Định có văn bản cam kết hỗ trợ vốn.		doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH					
TTHC công bố theo Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập Hộ kinh doanh. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hộ kinh doanh	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên Hộ kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Chào

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho Hộ kinh doanh trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Nếu Hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi Hộ kinh doanh đã đăng ký thì giải quyết trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Tạm ngừng hoạt động Hộ kinh doanh	Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
4	Châm dứt hoạt động Hộ kinh doanh	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh	- Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi Thông báo yêu cầu Hộ kinh doanh hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC.; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Khao 56

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi gửi Thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Hộ kinh doanh.		tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	
II LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ					
TTHC công bố theo Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
TTHC công bố theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1	Đăng ký Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Chau 58

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	
2	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Chau 60

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				kinh doanh. + Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh).	
3	Đăng ký khi Hợp tác xã chia	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
4	Đăng ký khi Hợp tác xã tách	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
5	Đăng ký khi Hợp tác xã hợp nhất	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
6	Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi bị mất)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện Hợp tác xã (khi bị mất)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện Hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
11	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (đối với trường hợp Hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
13	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
14	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập Doanh nghiệp của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

Chau 62

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Tạm ngừng hoạt động của Hợp tác xã, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
16	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã)	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp - Không thu lệ phí trong trường hợp sau: + Hợp tác xã đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải đăng ký lại tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện do thay đổi quy định cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.
18	Thay đổi Cơ quan đăng ký Hợp tác xã	Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC bãi bỏ theo Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
1. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)				
1	BKH-271847	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
2	BKH-271848	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
3	BKH-271849	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
2. Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư				
1	- Mã hồ sơ: BKH-271843 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT.	
2	- Mã hồ sơ: BKH-271844 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu				

Chào

1	- Mã hồ sơ: BKH-271854 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	- Mã hồ sơ: BKH-271855 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC bãi bỏ theo Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
1. Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư				
1	- Mã hồ sơ: BKH-271843 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
2	- Mã hồ sơ: BKH-271844 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu				
1	- Mã hồ sơ: BKH-271854 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	- Mã hồ sơ: BKH-271855 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC bãi bỏ theo Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
1. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu				
1	- Mã hồ sơ: BKH-271854 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	- Mã hồ sơ: BKH-271855 - Hủy công khai	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

Khair



Phụ lục 2

**BÀI BỎ 282 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Ban hành theo Quyết định số 22/11/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP			
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
2	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
3	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;	

	ty hợp danh)	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
4	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
5	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
6	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
7	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT;	

Chào 68

		- Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
9	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
10	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
11	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
12	Bán doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
13	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC;	

		- Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
14	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
15	Hợp nhất doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
16	Sáp nhập doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
17	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
18	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	

Chào

19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
20	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
21	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
22	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
23	Giải thể doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	

Chức

24	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
25	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
27	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
Mục 2. Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội			
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	

Khảo

2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	
3	Thông báo chấm dứt nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC.	

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

1	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;	

		- Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

Khau

11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

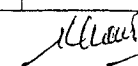
Chau

17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Mục 1. Đầu tư tại Việt Nam

1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	

 76

5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	

16	Giãn tiến độ đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
17	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT	
18	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
19	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
20	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
21	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	
22	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;	
23	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
24	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	
25	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	
26	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	- Luật đầu tư; - Nghị định 118/20015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	

Chau
78

27	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	
Mục 2. Đầu tư bằng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài			
1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.	
Mục 3. Đầu tư bằng Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ			
1	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
2	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
3	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
4	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
5	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	

6	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
7	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	
8	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.	

Mục 4. Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	
---	--	---	--

IV. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	

Khau
80

6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT.	
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT.	
16	Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn Nhà đầu tư	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP	
17	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC - Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT	

		- Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT	
18	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
19	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
20	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
21	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
22	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
23	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
24	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
25	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
26	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT/BKHĐT-BTC	

Khair

27	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)			
1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do UBND cấp tỉnh lập	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT.	
2	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT.	
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhóm A, B, quan trọng quốc gia	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT.	
4	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	
5	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	
6	Công bố dự án	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	
7	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	

8	Thẩm định, phê duyệt Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhóm A, B	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.	
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các dự án không thuộc khoản 1, Điều 39 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP)	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
10	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các dự án không thuộc khoản 1, Điều 39 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP)	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
11	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các dự án không thuộc khoản 1, Điều 39 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP)	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT.	
Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu			
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
4	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
5	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-	

Chau
84

		BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
6	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
7	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
8	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
9	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
10	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
11	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	

Chau

12	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
13	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
14	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
15	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
16	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
17	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
18	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;	

Nguyễn
86

		- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
19	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
20	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	
21	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
22	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	
23	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
24	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	

Handwritten signature

25	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
26	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
27	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
28	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
29	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
30	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
31	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
32	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
33	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	

Khau

34	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
35	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH			
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

1	Đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.	

Khai
90

		- Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND.	

III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

Chau

Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư			
1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	

Handwritten signature

8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	- Luật Đầu tư công; - Luật Đấu thầu; - Luật Đầu tư; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.	

16	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC - Thông tư số 15/2016/TT-BKHĐT - Thông tư số 06/2016/TT-BKHĐT	
17	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
18	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
19	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
20	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
21	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
22	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
23	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
24	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	

25	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT/BKHĐT-BTC	
26	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư 15/2016/TT-BKHĐT	
Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu			
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
4	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
5	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
6	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	

7	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
8	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
9	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
10	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
11	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	
12	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.	
13	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
14	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;	

		- Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
15	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
16	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
17	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
18	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
19	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
20	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
21	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
22	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
23	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13	

		- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
24	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
25	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
26	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
27	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	
28	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
29	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;	

		- Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
30	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
31	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
32	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
33	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
34	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
35	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TTHC công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
I. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU			
Mục 1. Đầu thầu, lựa chọn nhà thầu			
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	- Luật Đầu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đầu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	- Luật Đầu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
4	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
5	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
6	Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC;	

		- Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
7	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
8	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
9	Làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
10	Mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC; - Thông tư số 07/2016/TT-BKHĐT.	
11	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.	
12	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
13	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	

14	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
15	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
16	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
17	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
18	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT	
19	Phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
20	Làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	

21	Sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
22	Làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
23	Mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT	
24	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	
25	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
26	Phê duyệt danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT.	
27	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.	

Chào

28	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
29	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT.	
30	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
31	Làm rõ hồ sơ dự thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
32	Mở thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;	

		- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.	
33	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
34	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	
35	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.	

Khánh